

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **36/2020/DS-ST**

Ngày: 07-9-2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/7/2020; 19/8/2020; 03/9/2020 và ngày 07/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Trúc Th**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Bùi Quốc N**, sinh năm 19xx (có mặt) và bà **Lê Ngọc A**, sinh năm 19xx (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, tổ E, Khu vực F, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Theo Hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại Văn phòng công chứng N, thành phố Cần Thơ ngày 24/6/2019.

- Bị đơn:

+ Bà **Phạm Châu Bảo Tr**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số C, đường I, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số P, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

+ Ông **Hồ Tấn T**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số Z, đường T, phường Q, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Tấn T: Ông **Đặng Hiền S**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số G, đường M, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Theo Giấy ủy quyền được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố S ngày 28/7/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 của nguyên đơn bà Lê Trúc Th và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quốc N và bà Lê Ngọc A trình bày:**

Giữa bà Lê Trúc Th, bà Phạm Châu Bảo Tr và ông Hồ Tấn T quen biết nhau. Bà Th có cho bà Tr và ông T vay tiền nhiều lần tổng cộng 510.000.000đồng, vay không có lãi. Việc vay mượn được thực hiện qua chuyển khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Ông T và bà Tr hứa trả lại cho bà Th trong vòng 01 tháng nhưng sau đó ông T và bà Tr kéo dài đến nay.

Sau khi vay tiền, ông T và bà Tr đã trả cho bà Th nhiều lần được số tiền vốn 61.500.000đồng và lãi bao nhiêu thì bà Th không nhớ, còn lại số tiền vốn là 448.500.000 đồng, bà Th nhiều lần yêu cầu ông T và bà Tr trả lại số tiền trên nhưng ông T và bà Tr không trả.

Theo đơn khởi kiện bà Lê Trúc Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phạm Châu Bảo Tr và ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền 448.500.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm từ ngày 24/6/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông N và bà Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bà Phạm Châu Bảo Tr và ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền vốn là 434.000.000 đồng cho phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn và yêu cầu lãi suất 10%/năm (từ ngày 24/6/2019 đến ngày 31/8/2020) tính tròn 14 tháng với số tiền lãi là 50.633.000 đồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2019, tờ tường trình ngày 20/3/2020, bị đơn bà Phạm Châu Bảo Tr trình bày:**

Bà Tr và bà Th trước đây là bạn bè. Bà Tr có vay tiền của bà Th 05 lần với tổng số tiền là 510.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/01/2019 vay số tiền là 160.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 12/02/2019 vay số tiền 55.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 20/02/2019 vay số tiền 47.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 07/3/2019 vay số tiền 172.000.000 đồng.

Lần 5: Tháng 4/2019 vay số tiền 76.000.000 đồng.

Đối với 4 lần vay đầu tiên Lần 1: Ngày 26/01/2019 vay số tiền là 160.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 12/02/2019 vay số tiền 55.000.000 đồng. Lần 3: Ngày 20/02/2019 vay số tiền 47.000.000 đồng. Lần 4: Ngày 07/3/2019 vay số tiền 172.000.000 đồng. Bà Tr đã trả lãi được tổng cộng là 55.000.000 đồng thông qua ủy nhiệm chi tại Ngân hàng V Chi nhánh Sóc Trăng và Ngân hàng N - Chi nhánh Ba Xuyên.

Đối với lần 5: Tháng 4/2019 vay số tiền 76.000.000 đồng. Bà Tr đã trả xong vốn 76.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng (trả 76.000.000 bằng tiền mặt).

Do đó hiện nay bà Tr còn nợ bà Th số tiền vốn là 434.000.000 đồng. Bà Tr có nộp tài liệu chứng cứ thể hiện việc bà Tr trả tiền cho bà Th và sự xác nhận của bà Th số nợ còn lại 434.000.000 đồng .

Tất cả các lần vay tiền ông T không có tham gia. Thật sự vay tiền trong thời gian hôn nhân nhưng khi vay bà Tr không có cho ông T hay nên đây là nợ riêng của bà Tr, không có liên quan gì đến ông T.

Đối với bị đơn ông Hồ Tấn T: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông T đã nhận trực tiếp nhưng ông T không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời bị đơn ông T cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa ông Sĩ là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Ông T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho bà Th, vì ông T không hề biết việc bà Th cho bà Tr vay tiền, nguyên đơn không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông T biết được bà Th cho bà Tr vay tiền.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Châu Bảo Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Trúc Th và bị đơn bà Phạm Châu Bảo Tr đều thừa nhận khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn vay của nguyên đơn. Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Xét về phạm vi khởi kiện

Tại phiên tòa ông Bùi Quốc N và bà Lê Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bà Phạm Châu Bảo Tr và ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền vốn vay là 434.000.000đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về số tiền vốn vay:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tr thừa nhận có vay tiền của bà Th và hiện nay còn nợ bà Th số tiền vốn vay là 434.000.000đồng. Tại phiên tòa ông N và bà Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của bà Th cũng xác nhận là số tiền vốn bà Tr còn nợ bà Th là 434.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, trên thực tế giữa bà Th và bà Tr có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, bà Tr đã nhận tiền vay của bà Th số tiền 510.000.000 đồng nhưng đến nay mới trả được số tiền vốn 76.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay bà Tr còn nợ bà Th là 434.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của bà Th về việc buộc bà Phạm Châu Bảo Tr và ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền vốn vay 434.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại phiên tòa ông N và bà Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữa bà Th với vợ chồng bà Tr, ông T là bạn bè thân thiết nên bà Th đã cho vợ chồng bà Tr, ông T vay tiền nhiều lần. Ông N thì cho rằng vay mục đích là để sinh hoạt gia đình còn bà Ngọc A thì cho rằng vay mục đích kinh doanh. Chứng cứ bà Th cung cấp cho rằng việc ông T biết khoản nợ bà Tr vay là “*bản sao kê tài khoản của bà Th tại Ngân hàng V*”, trong bản sao kê ông T có chuyển khoản cho bà Th hai lần: lần 01 ngày 02/3/2019 ông T chuyển tới bà Th số tiền là 5.000.000 đồng, lần 02 ngày 30/3/2019 ông T chuyển tới bà Th số tiền là 12.000.000 đồng. Tại văn bản phúc đáp số 043/VCB-STR-KT, ngày 14/8/2020 của

Ngân hàng V trả lời với nội dung: Hình thức chuyển tiền: Mobile Banking; mục đích chuyển tiền: VCB Sóc Trăng không có cơ sở xác định do chủ tài khoản không ghi rõ nội dung khi thực hiện giao dịch, chỉ ghi ct”.

Ngoài ra nguyên đơn không còn tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện ông T biết bà Tr vay số nợ này. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”.

Ngược lại, ông S là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn T cho rằng đây là nợ riêng của bà Tr, ông T không hề biết việc bà Tr cho bà Tr vay tiền, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là ông T cùng bà Tr vay tiền của nguyên đơn. Đối với bản sao kê mà nguyên đơn cung cấp là chưa đủ cơ sở xác định ông T biết việc bà Tr vay tiền, ông T và bà Tr là vợ chồng nên sử dụng tài khoản của nhau là bình thường đó không phải là chứng cứ để nguyên đơn chứng minh là ông T có biết việc bà Tr vay tiền và cũng không có quy định nào là cứ vay trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung.

Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2019 bà Tr cũng trình bày là bà Tr vay tiền để đặt cọc mua đất ông T không biết, các tài liệu chứng cứ bà Tr giao nộp thể hiện giao dịch chỉ có bà Tr và bà Tr không có ông T. Xét thấy lời trình bày của bà Tr, lời trình bày của ông S cùng các chứng cứ bà Tr giao nộp hoàn toàn phù hợp với nội dung diễn biến sự việc, việc chốt số nợ giữa bà Tr và bà Tr cũng hoàn toàn phù hợp với số tiền mà nguyên đơn thay đổi yêu cầu tại phiên tòa.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận ông T không có trực tiếp tham gia ký hợp đồng vay tiền. Nguyên đơn cho rằng ông T biết việc vay tiền nên yêu cầu ông T liên đới trả nợ nhưng nguyên đơn không chứng minh được việc ông T có vay tiền. Một bên vợ hoặc chồng không tham gia giao dịch mà vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới chỉ trong trường hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 27 dẫn chiếu đến các Điều 24, 25, 26 và 37, đó là:

“Điều 24: Là trường hợp bên giao dịch đã là đại diện hợp pháp của bên kia (theo ủy quyền hoặc theo pháp luật);

Điều 25: Là trường hợp kinh doanh chung;

Điều 26: Là trường hợp người thứ ba ngay tình được bảo vệ;

Điều 37: Là trường hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”

Như vậy, hợp đồng vay tiền này nguyên đơn không chứng minh được bà Tr, ông T cùng vay tiền và cũng không thuộc các trường hợp như đã dẫn chiếu theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Tr yêu cầu ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tr số tiền vốn vay 434.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Phạm Châu Bảo Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Trúc Th số tiền vốn vay là 434.000.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr về

việc yêu cầu ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền vốn vay 434.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu tính lãi:

Bà Th yêu cầu bà Tr trả lãi với lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền vốn 434.000.000 đồng, (từ ngày 24/6/2019 đến ngày 31/8/2020) làm tròn 14 tháng với số tiền lãi là 50.633.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà Phạm Châu Bảo Tr phải trả cho bà Lê Trúc Th là 484.633.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Phạm Châu Bảo Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 khoản 1 Điều 244; của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 24, 25, 26, 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Trúc Th: Buộc bị đơn bà Phạm Châu Bảo Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Trúc Th số tiền vốn vay là 434.000.000 đồng, lãi vay là 50.633.000 đồng, tổng số tiền vốn vay và lãi vay là 484.633.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Trúc Th về việc yêu cầu ông Hồ Tấn T có trách nhiệm liên đới trả bà Lê Trúc Th số tiền vốn vay 434.000.000 đồng, lãi vay là 50.633.000 đồng, tổng số tiền vốn vay và lãi vay là 484.633.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Châu Bảo Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 23.385.320 đồng.

Bà Lê Trúc Th không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Lê Trúc Th số tiền tạm ứng án phí là 10.970.000 đồng theo biên lai thu số 0007589 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày bà Lê Trúc Th có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Châu Bảo Tr còn phải trả lãi cho bà Lê Trúc Th theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan